**MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ CƠ BẢN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT**

**NGUYỄN THỊ KIM TIẾN**

Quốc triều hình luật (hay còn gọi là Lê triều hình luật) được xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh trong thời Lê sơ và được Lê Thánh Tông ban hành vào năm 1483  trong thời gian ông lấy niên hiệu là Hồng Đức nên còn có tên gọi khác là Luật Hồng Đức. Bộ luật này chứa đựng nhiều yếu tố, giá trị tích cực, tiến bộ, trong đó cần phải nhấn mạnh và khẳng định đến một giá trị nổi bật là, những quyền tối thiểu nhưng cơ bản của con người, đặc biệt là của người dân được thừa nhận, được tôn trọng và được bảo vệ bằng pháp luật. Điều đó thể hiện ở, thứ nhất, Luật Hồng Đức đã đưa ra nhiều điều luật, quy phạm cụ thể nhằm tạo ra môi trường, thể chế,… để những quyền cơ bản của con người được tôn trọng và bảo vệ. Thứ hai, trong bộ Luật Hồng Đức, có nhiều điều luật với nhiều quy định cụ thể đã chứng tỏ nhân phẩm và nhiều quyền tự do khác của con người được thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ. Thứ ba, mọi người đều có quyền được sống, được chăm sóc, được bảo vệ.

*1. Quốc triều hình luật* (hay còn gọi là *Lê triều hình luật*) được xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh trong các triều đại phong kiến Việt Nam thời Lê sơ. Bộ luật này được vua Lê Thánh Tông ban hành vào năm 1483  trong thời gian ông lấy niên hiệu là *Hồng Đức* (1470-1497)*,* nên trong dân gian và trong sử sách vẫn thường gọi bộ luật này là *Luật Hồng Đức*(1). Tất nhiên, cho đến nay, vẫn còn có nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm khởi thảo và thời điểm hoàn chỉnh bộ luật này. Trong thiên *Hình luật chí* (sách *Lịch triều hiến chương loại chí*), Phan Huy Chú cũng như dựa trên nhiều nguồn tư liệu khác và theo quan điểm chung của nhiều nhà nghiên cứu thì bộ luật này được xây dựng trên cơ sở sưu tập tất cả các điều luật, các văn bản pháp luật đã ban bố và thi hành trong các đời vua trước đây, được sửa chữa, bổ sung và san định lại cho hoàn chỉnh(2). Song, trong *Lời nói đầu* của cuốn *Quốc triều hình luật*do Viện Sử học Việt Nam dịch và giới thiệu thì bộ luật trên có thể được soạn thảo ngay năm đầu của triều Lê sơ (Lê Thái Tổ) và “không ngừng được các triều vua kế tiếp bổ sung, hoàn chỉnh dần, trong đó chắc chắn là có những đóng góp to lớn của ông vua nổi tiếng văn hiến Lê Thánh Tông”[(3)](http://philosophy.vass.gov.vn/nghien-cuu-theo-chuyen-de/Triet-hoc-Viet-Nam/Mot-so-noi-dung-va-gia-tri-co-ban-ve-quyen-con-nguoi-trong-Quoc-trieu-hinh-luat-421.html" \l "_ftn1" \o "). Có thể khẳng định rằng, *Luật Hồng Đức* là bộ luật tiến bộ nhất, hoàn chỉnh nhất trong các bộ luật ở Việt Nam thời phong kiến; là thành tựu có giá trị đặc biệt trong lịch sử pháp luật Việt Nam; là một trong những thành tựu tiêu biểu của nền văn hiến nước ta. Bộ luật ấy chứa đựng nhiều giá trị nhân văn sâu sắc và nội dung tư tưởng rộng lớn, là cơ sở nền tảng trong việc xây dựng nhà nước phong kiến thịnh trị thời Lê sơ.

2. Trong xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp, pháp luật là ý chí, là quyền lực của các thế lực, giai cấp thống trị được cụ thể hoá, thể chế hoá bằng luật. Vì vậy, pháp luật là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để ràng buộc, bắt buộc mọi người, mọi giai cấp khác phải tuân thủ, phục tùng tuyệt đối, vô điều kiện ý chí, quyền lực của thế lực, giai cấp thống trị. Đồng thời, pháp luật cũng còn là một trong những công cụ chủ yếu nhất, quan trọng nhất của giai cấp thống trị nhằm duy trì, bảo vệ địa vị thống trị và những quyền lợi ích kỷ của chúng. Bộ *Luật Hồng Đức*cũng vậy. Cụ thể là, bộ luật này đã dành hẳn chương *Vệ cấm* (với 47 điều) và nhiều điều luật khác ở các chương khác nhằm bảo vệ tuyệt đối tính mạng, thân thể, quyền sở hữu tối cao của nhà vua. Theo đó, tất cả những hành vi tuỳ tiện xâm phạm thái miếu, hoàng thành, cung điện,… cùng các tội xâm phạm đến an ninh quốc gia, các hành vi bán ruộng đất bừa bãi, mắm muối, vật cấm và binh khí cho người nước ngoài đều được coi là vi phạm pháp luật, vi phạm nghiêm trọng đạo*trung*, là nằm trong các tội *thập* ác và bị trừng trị với những khung hình phạt rất nặng (*đồ, lưu, tử hình*)(4). Ngoài ra, ở nhiều chương, nhiều điều khác trong bộ luật này quy định tất cả những hành vi, hành động vi phạm và làm nguy hại đến lễ chế “tôn quân”, “trung vua” “tam cương, ngũ thường”, trật tự đẳng cấp – tức là những chuẩn mực đạo đức Nho giáo và trật tự xã hội phong kiến theo quan điểm Nho giáo đều được coi là vi phạm nghiêm trọng địa vị, quyền lực tối thượng của nhà vua; đến lợi ích và sự tồn tại của giai cấp phong kiến, của nhà nước và chế độ phong kiến, v.v.. Và như vậy, đều được xem là vi phạm nghiêm trọng pháp luật, bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc.

Đúng là bộ *Luật Hồng Đức* được xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh trên cơ sở tiếp thu nhiều bộ luật của Việt Nam trước đó, như bộ *Hình thư* (năm 1042) dưới triều Lý, bộ *Quốc triều hình luật*(năm 1230) dưới triều Trần cùng nhiều văn bản pháp luật khác được công bố và thi hành trong các triều đại này. Nhưng pháp luật phong kiến Trung Quốc, tư tưởng Nho giáo và tư tưởng Pháp trị của phái Pháp gia cũng là cơ sở và nền tảng tư tưởng để xây dựng và chỉ đạo việc thực thi bộ luật này. Do vậy, cùng với mục đích chủ yếu của bộ luật này như đã nói ở trên, bộ *Luật Hồng Đức* không thể không chứa đựng tính chất khắc nghiệt, tàn khốc và nhiều yếu tố hạn chế, tiêu cực như nhiều bộ luật khác dưới chế độ phong kiến. Nhưng bên cạnh đó, những yếu tố và tính chất nhân văn, nhân bản của Phật giáo, Nho giáo và đặc biệt là những giá trị tốt đẹp mang đậm tính nhân văn, nhân ái, đoàn kết trong truyền thống dân tộc và phong tục, tập quán của người Việt Nam; yêu cầu và nhiệm vụ thực tiễn đặt ra cho giai cấp phong kiến (cũng còn là của cả dân tộc) trong công cuộc bảo vệ xây dựng, phát triển đất nước về mọi mặt, trong việc xây dựng chế độ phong kiến toàn thịnh và một nhà nước phong kiến trung ương tập quyền hùng mạnh cũng là những cơ sở, căn cứ và là những mục đích chủ yếu để xây dựng, hoàn chỉnh bộ luật này.

Vì vậy, có thể khẳng định rằng, ngoài những hạn chế, tính chất cứng nhắc và tiêu cực, bộ *Luật Hồng Đức* còn chứa đựng nhiều yếu tố, giá trị tích cực, tiến bộ. Trong đó, cần phải nhấn mạnh và khẳng định đến một giá trị nổi bật là,*những quyền tối thiểu nhưng cơ bản của con người, đặc biệt là của người dân được thừa nhận, được tôn trọng và được bảo vệ bằng pháp luật.* Những quyền ấy cùng những giá trị của nó*không chỉ được thể hiện ở những tư tưởng, đường lối, chủ trương mà còn ở cả việc chỉ đạo, hướng dẫn việc thực thi* bộ luật này. Tất cả đều nhằm làm cho những quyền cơ bản của con người được thực hiện có hiệu quả trong thực tế đúng theo tinh thần của Nho giáo mà các triều đại phong kiến Việt Nam lấy làm hệ tư tưởng: Dân là gốc nước, là nền tảng của chính trị và đúng như lời tuyên bố của vua Lê Thánh Tông: “Đạo lớn của đế vương” là “thương yêu dân chúng kính trời xanh”, v.v..

Nhìn tổng thể, các điều luật ở các chương trong bộ *Luật Hồng Đức*khẳng định, tất cả những hành vi, hành động nào vi phạm đến quyền con người đều được coi là vi phạm pháp luật và đều bị nghiêm trị cho dù người vi phạm là ai đi chăng nữa (tất nhiên trừ nhà vua).

Vậy, những quyền cơ bản nào của con người, những nội dung và giá trị nào liên quan đến quyền cơ bản của con người được đề cập trong bộ *Luật Hồng Đức* ?

*Trước hết,* bộ *Luật Hồng Đức* đã đưa ra nhiều điều luật, quy phạm cụ thể nhằm tạo ra môi trường, thể chế,… để những quyền cơ bản của con người được tôn trọng và được bảo vệ.

Về vấn đề này, cũng cần lưu ý đến một thực tế là, cho đến nay, trong giới nghiên cứu, không ít người đã khẳng định các triều đại phong kiến Việt Nam dựa vào Nho giáo, pháp luật Trung Quốc để hình thành các bộ luật cho triều đại mình là chỉ nhằm mục đích củng cố, duy trì địa vị tối cao, quyền lực thống trị tuyệt đối của nhà vua, bảo vệ sự tồn tại vĩnh viễn của chế độ phong kiến và địa vị thống trị của giai cấp phong kiến, v.v.. Đúng là bộ *Luật Hồng Đức*, như đã nói ở trên, có khá nhiều điều luật thể hiện và minh chứng cho những nhận định này. Nhưng đó chỉ là một mặt, dù là mặt chủ yếu. Còn một mặt khác nữa là, tuy những điều luật đó nhằm củng cố, duy trì trật tự, kỷ cương, sự ổn định của chế độ phong kiến và phù hợp với yêu cầu và lợi ích của giai cấp phong kiến,… song ở một mức độ nhất định nào đó, điều đó lại tạo ra một môi trường, điều kiện, một xã hội để cho quyền con người được thừa nhận và được tôn trọng. Có nghĩa là, ở bất cứ chế độ xã hội nào cũng vậy, những quyền cơ bản của con người chỉ có thể được tôn trọng, bảo vệ, được thực tiễn hoá trong một xã hội, một chế độ xã hội *có trật tự, có kỷ cương* và *thật sự ổn định.* Bộ *Luật Hồng Đức* đưa ra nhiều điều luật nhằm ràng buộc, bắt buộc mọi người kể cả nhà vua, tầng lớp quan lại tuân thủ theo đúng tinh thần “vua ra vua, bề tôi ra bề tôi”, “cha ra cha, con ra con”, trên dưới có trật tự,… để “tu thân” mà “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cho dù có ngoài ý muốn của các ông vua và giai cấp phong kiến thời Lê sơ như thế nào đi chăng nữa, thì điều này cũng đã tạo ra những tiền đề, những điều kiện hợp pháp để thực thi có hiệu quả quyền con người về phương diện pháp luật.

Ngoài ra, nhiều điều luật nhằm điều chỉnh hành vi con người trong các mối quan hệ cơ bản của con người theo tinh thần của đạo “tu thân”, “tề gia”, “tam tòng tứ đức”, “trên dưới có trật tự”, v.v., dù không tránh khỏi tính chất cứng nhắc và khắc nghiệt, nhưng rõ ràng, điều đó đã tạo ra điều kiện, tính chất hợp lý để quyền con người được tôn trọng; các quyền được chăm sóc và được nuôi dưỡng, được bảo vệ của người già cả, ốm yếu, người khó khăn, ông bà, cha mẹ, người trên được thực hiện. Theo đó, các tội *bất hiếu, bất kính, bất nghĩa* trong bộ luật này được xếp vào tội *Thập ác* và bị nghiêm trị với những hình phạt rất nặng (đồ, lưu, tử hình). Như điều 475, 503, 504,(5) … của bộ Luật này đã ghi rõ, nếu con cháu lăng mạ, tố cáo ông bà cha mẹ, vợ tố cáo chồng (chỉ cho phép tố cáo khi ông bà, cha mẹ, chồng phạm tội *mưu phản, đại nghịch*) thì bị đày đi nơi xa. Điều 506 quy định, con cháu trái lời dạy bảo, không phụng dưỡng bề trên; con nuôi, con kế thất hiếu với cha nuôi, cha kế bị xử tội *đồ*. Hoặc nhiều điều khác cấm con dâu không được chửi mắng, đánh đập, âm mưu giết ông bà, cha mẹ chồng và các hành động đánh đập anh chị, cậu dì, ông bà cha mẹ vợ, cùng chú bác, thím cô, anh em trai, v.v.. Nếu phạm những tội này sẽ bị xử tội *đồ, lưu*;… (điều 476, 477, 478…). Bên cạnh đó, bộ Luật cũng đưa ra nhiều quy định cấm quan lại, những kẻ có chức quyền không được tự tiện quấy nhiễu nhân dân (các điều 304, 632,…); quan lại phải đảm bảo an ninh, an toàn cho dân (các điều 458, 645, 646, 647, 648, 648…), phải chăm sóc những người già cả, trẻ mồ côi, người tàn tật, thấp hèn… (các điều 294, 295,…), không được lợi dụng chức quyền để tham ô, chiếm đoạt tiền bạc, tài sản của dân, v.v..

Rõ ràng, bộ*Luật Hồng Đức* với những điều luật của mình không chỉ nhằm bảo vệ địa vị thống trị và quyền lợi của nhà vua và giai cấp phong kiến, không chỉ duy trì và bảo vệ trật tự, kỷ cương của chế độ phong kiến, mà còn kiến tạo và duy trì một xã hội mà trong đó, những quyền cơ bản của con người, của mọi người được tôn trọng và được bảo vệ bằng pháp luật.

*Hai là*, trong bộ *Luật Hồng Đức*, có nhiều điều luật với nhiều quy định cụ thể đã chứng tỏ nhân phẩm con người và nhiều quyền tự do khác của con người được thừa nhận, tôn trọng và bảo vệ.

Thể hiện điều này và tính ưu việt của nó, như đã nói ở trên, tất cả những hành động xâm phạm đến nhân phẩm con người, như con cháu chửi mắng, đánh đập ông bà cha mẹ; anh em, vợ chồng đánh đập, chửi mắng, lăng mạ, làm nhục nhau (các điều từ 473 đến 476,…); các hành vi tố cáo, vu khống không đúng sự thật và trái quy định (từ điều 501 đến điều 505); việc quan lại quấy nhiễu ức hiếp dân (điều 164); tự tiện bắt bớ, giam cầm người vô tội (điều 636); phạm nhân không đáng gông cùm mà gông cùm (điều 658); vô cớ đánh đập tù nhân (điều 707); đánh chết hay bức tử người tù (điều 682); tra tấn tù nhân tuổi cao và vị thành niên (điều 665); không chăm sóc tù nhân (điều 663); xử tội không đúng tội danh và theo luật quy định (điều 679),… đều bị pháp luật nghiêm trị. Đặc biệt, bộ luật này còn đưa ra những quy định cấm “Các tước vương công và nhà quyền quý tự tiện thích chữ vào dân đinh” (điều 168), cùng tất cả những ai tự tiện thích chữ vào mặt vợ, con trai, con gái người khác và nô tỳ, người ở đợ (các điều 165, 168, 365); trị tội những tên quan lại và những người lợi dụng quyền thế mà ức hiếp lương dân, bắt ép để lấy con gái người dân (điều 336, 338); tự tiện bắt dân đinh làm đày tớ (điều 302); cấm người ngoài nài ép người vợ muốn thủ tiết với chồng đi lấy người khác (điều 320) và tất cả những hành động gian dâm (từ điều 401 đến điều 410 chương *Thông gian*), v.v.. Đáng lưu ý là, các điều 401, 403, 404, 406 quy định, những hành động vi phạm nghiêm trọng nhân phẩm con người, như hiếp dâm (kể cả gian dâm với trẻ em từ 12 tuổi trở xuống đều xếp vào tội hiếp dâm), loạn luân (gian dâm trong nội bộ gia đình, gia tộc) đều bị trừng trị với hình phạt rất nặng:*lưu, chém.*

Ngoài những quy phạm bảo vệ nhân phẩm con người, nhiều quyền tự do của con người cũng được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, như mọi người đều có các quyền: bình đẳng trong việc thực thi pháp luật, tự do hôn nhân, lựa chọn và bảo vệ hạnh phúc của mình, quyền được bảo vệ tính mạng, tài sản, v.v.. Điều 687 quy định, mọi người đều được kêu oan khi cảm thấy bị bắt bớ, giam cầm vô cớ và khi bị xử phạt oan sai. Hoặc ở các điều 206, 326, 335, 336, 338,… ghi rõ: mọi người có quyền tố cáo quan lại thu thuế trái quy định, chiếm đoạt ruộng đất, của cải, tiền bạc,… của mình, kể cả việc thu tiền của quân dân để làm lễ vật cung phụng nhà vua (điều 300).

Về quyền tự do hôn nhân, lựa chọn và bảo vệ hạnh phúc của con người, ngoài những điều luật cấm quan lại, người có quyền thế bắt ép để lấy con gái của lương dân, ngăn cấm người ngoài nài ép những người vợ thủ tiết, bộ *Luật Hồng Đức* còn đưa ra nhiều điều luật để thực hiện và bảo vệ quyền tự do này. Như điều 324 cấm anh, em, học trò lấy vợ của em, của anh, của thầy đã chết; điều 294 quy định việc trừng trị những kẻ loạn luân, cùng tất cả những hành động gả, bán vợ cho người khác khi không được sự đồng ý của người phụ nữ. Hoặc như các điều 320, 333 ghi rõ: người nào mà đã gả con gái rồi mà về sau vì thấy người chồng nghèo khổ, lại bắt con gái về thì bị xử phạt 60 *trượng, biếm*[(6)](http://philosophy.vass.gov.vn/nghien-cuu-theo-chuyen-de/Triet-hoc-Viet-Nam/Mot-so-noi-dung-va-gia-tri-co-ban-ve-quyen-con-nguoi-trong-Quoc-trieu-hinh-luat-421.html" \l "_ftn2" \o ") hai tư, người con gái đó phải bắt trở về nhà chồng. Điều 315 quy định việc trừng trị tất cả những ai đã gả con gái rồi (tức đã nhận đồ sính lễ) mà lại thôi không gả nữa thì bị phạt *80 trượng* và đem gả cho người khác mà đã thành hôn rồi thì bị xử tội*đồ*, người sau biết thế mà cứ lấy thì cũng bị xử tội*đồ*, người con gái đó phải gả cho người hỏi trước, nếu người đó không lấy nữa thì nhà người con gái phải bồi thường đồ sính lễ gấp đôi cho người đó. Còn điều 321 quy định, vợ cả vợ lẽ nếu tự tiện bỏ nhà chồng cũng như đi lấy chồng khác đều bị xử tội *đồ* và họ cùng gia sản phải trả về cho nhà chồng cũ. Tất cả những người đàn ông nào biết mà vẫn lấy họ làm vợ đều bị xử tội*đồ*. Ngoài ra, các điều 308, 309, v.v. còn yêu cầu người chồng phải luôn thương yêu người vợ, phải chăm lo hạnh phúc cho gia đình. Như điều 308 chỉ rõ: người chồng mà bỏ lửng vợ 5 tháng thì người vợ được trình báo với quan sở tại và xã quan để từ đó người vợ được tự do, còn người chồng bị mất vợ; nếu người chồng đã bỏ vợ mà lại ngăn cản người khác lấy vợ cũ thì bị tội*biếm*. Điều 309 quy định: Người nào mà quá say đắm với nàng hầu mà thờ ơ với vợ thì bị xử tội*biếm*. Bên cạnh đó, như trên đã nói, tất cả những hành vi gian dâm đều bị nghiêm trị với khung hình phạt rất nặng.

Mặc dù tuân thủ khá nghiêm ngặt những quan điểm của Nho giáo là địa vị, vai trò của người phụ nữ, người vợ bị coi thường và bị hạ thấp so với người đàn ông, người chồng, v.v., nhưng trong bộ *Luật Hồng Đức,*có nhiều điều thể hiện sự nới lỏng những ràng buộc đối với người phụ nữ, người vợ; người phụ nữ, người vợ đã ít nhiều có vai trò, quyền hạn nhất định trong việc lựa chọn, định đoạt và bảo vệ hôn nhân, hạnh phúc của mình. Điều 322 quy định rõ ràng: người con gái nào đã hứa gả chồng mà chưa thành hôn, nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản thì cho phép người con gái được kêu quan mà trả đồ lễ. Ngoài ra, có nhiều điều trong bộ luật bảo đảm trong một chừng mực nhất định quyền tự do và bình đẳng của người phụ nữ với người đàn ông, như cho phép người vợ được ly dị chồng trong một số trường hợp theo luật định; được đồng sở hữu tài sản với người chồng (nếu là tài sản chung của vợ và chồng), được quyền sở hữu tài sản riêng và một phần tài sản riêng của chồng nếu việc ly hôn không do lỗi của người vợ hoặc khi người chồng chết (điều 375); hoặc cũng như con trai, người con gái được phần thừa kế tài sản của bố mẹ để lại khi bố mẹ chết; trường hợp gia đình không có con trai thì được quyền kế thừa hương hoả (điều 391).

Rõ ràng là, nhân phẩm con người và các quyền tự do của con người được thừa nhận, bảo vệ thể hiện trong bộ *Luật Hồng Đức* còn là sự kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp và những thuần phong, mỹ tục của dân tộc và con người Việt Nam. Đây chính là một trong nhiều điểm tiến bộ của bộ *Luật Hồng Đức*; do vậy, nó khác về cơ bản so với nhiều bộ luật Trung Quốc phong kiến.